

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hanh

2. Bà Nguyễn Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Lê Trường L**; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 25 tháng 06 năm 1998, tại: Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: **thôn F, xã Đ, tỉnh Đồng Nai**; CCCD: 070098005211, cấp ngày 03/7/2022, nơi cấp: **Cục C – TTXH Bộ C1**; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Xuân K**, sinh năm 1968 và bà **Phượng Thảo L1**, sinh năm 1969; bị cáo có vợ tên **Võ Thị Thu O**, sinh năm 2002 (đã ly hôn) và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 01/6/2022 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (cũ) xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo bản án số 25/2022/HSS. Ngày 14/12/2017, bị **Công an huyện B**, tỉnh Bình Phước (cũ) xử phạt hành chính (phạt tiền) theo Quyết định số 02/QDDXPKLBB. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Doãn H**; Tên gọi khác: không; sinh ngày 09 tháng 01 năm 1978, tại: Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: **Số D P, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng (nay là phường A, thành phố Hải Phòng)**; CCCD: 031078005675, cấp ngày 20/02/2019, nơi cấp: **Cục C – TTXH Bộ C1**; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Doãn H1** (đã chết) và bà **Dương Thị N**, sinh năm 1955; bị cáo có vợ tên **Ngô Thị Trà M**, sinh năm 1985 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 07/7/2023 bị Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang (cũ) xử phạt 09 năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo Bản án số 45/2023/HSST. Bị cáo đang chấp hành án tại **Trại giam P**, được trích xuất về Trại tạm giam số 2 **Công an tỉnh Đ** từ ngày 17/12/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Tăng Thị Trúc L2**, sinh năm 1995, địa chỉ: **Ấp N, xã X, thành phố Hồ Chí Minh**. Vắng mặt.
2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1986, ĐKTT: **Ấp B, xã H, tỉnh An Giang**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Do có quan hệ từ trước với **Tang J** trong thời gian làm việc tại Campuchia (năm 2020), vào tháng 3/2021 **Tăng Thị Trúc L2** (tên thường gọi là **An L3**) liên hệ với các đối tượng (không rõ nhân thân lai lịch) trước đây tổ chức cho **L3** nhập cảnh trái phép từ Campuchia về Việt Nam để đưa Tang Jian nhập cảnh trái phép vào Việt Nam với giá 1000 USD, chi phí do **Tang J** trả trực tiếp bằng tiền mặt. Sau khi **Tang J** được các đối tượng tổ chức cho nhập cảnh trái phép từ Campuchia đến Thành phố Hồ Chí Minh thì được **L3** đón và đưa về nhà **L3** tại **xã X, thành phố Hồ Chí Minh**. Đến đầu tháng 10/2021, **công ty N1** làm việc tại Campuchia yêu cầu **N1** quay lại để làm việc nên **Tang J** đã nhờ bạn tên “**A X**” sinh sống tại Campuchia tìm người đưa Tang Jian về lại Campuchia bằng đường xuất cảnh trái phép, “**A Xing**” đồng ý và đã liên hệ được người đưa Tang Jian về lại Campuchia với giá 2000 USD.

Vào khoảng ngày 18-19/10/2021, **Lê Trường L** được một người tên **T1** (không rõ nhân thân) gọi điện thuê chở **Tang J** từ **huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đến thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước** (cũ) để giao lại cho người của **T1** đưa qua Campuchia trái phép với số tiền 35 triệu đồng. Ngày 20/10/2021, **L** sử dụng số điện thoại 0962767427 gọi và thuê **Nguyễn Văn T** là tài xế xe dịch vụ đón **Tang J** tại **huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu** (cũ) chở đến **huyện B** để giao lại cho **L** với số tiền 25 triệu đồng và chuyển khoản trước cho **T** 05 triệu. **T** sử dụng xe ô tô Hyundai Accent biển số 67E-000.26 đón **Tang J**. Trên đường đi đến chốt kiểm soát dịch bệnh Covid tại **xã B, huyện P** thì bị cán bộ chốt kiểm tra không cho qua nên **T** điện thoại nói **L** ra đón người tại **chợ B, huyện P** thì **L** nhờ 01 người tên **L4** (không rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng xe mô tô 93T8-4702 ra **chợ B** đón **N1** và đưa cho **L4** 11 triệu đồng để trả cho **T** khi nhận người, **L4** đi ra điểm hẹn và đón **Tang J**. Vào 23 giờ 30 phút ngày cùng ngày khi **L4** đang chở **Tang J**

đến khu vực vườn cao su thuộc thôn P, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (cũ) thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang, L4 bỏ trốn.

Vụ thứ hai: Vào tháng 10/2021, Trần Doãn H được một người phụ nữ tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch) nhờ tổ chức cho 10 người Việt Nam là người quen của T2 từ thành phố Hồ Chí Minh đi xuất cảnh trái phép qua Campuchia. Trần Doãn H đồng ý và đã tổ chức cho 07 người Việt Nam xuất cảnh trái phép tại khu vực tỉnh An Giang. Đối với 03 người còn lại, Trần Doãn H đã sử dụng số điện thoại 0984101623 liên lạc với Lê Trường L (do đối tượng T2 giới thiệu) thỏa thuận sẽ chở 03 người này đến khu vực chợ B, huyện P (cũ) giao cho L để tiếp tục được đưa đi xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Sau khi đón được 03 người từ H, L tiếp tục chở 03 người này đi qua các chốt kiểm soát đến thị trấn T, huyện B cũ giao lại cho L4 để L4 tiếp tục đưa đi xuất cảnh trái phép sang Campuchia với giá 7800 USD/03 người, L được hưởng lợi 30 triệu đồng (10 triệu đồng/01 người). Sau đó, H được T2 nhờ chuyển tiền trả cho L, H sử dụng tài khoản ngân hàng A số 137628039 mang tên Trần Doãn H chuyển khoản cho L nhiều lần với tổng số tiền 229 triệu đồng để thanh toán tiền cho L và L4. H không thu lợi mà chỉ làm trung gian chuyển tiền và giao người giữa T2 và L.

Về hành vi tổ chức cho 07 người xuất cảnh trái phép nêu trên tại khu vực tỉnh An Giang của Trần Doãn H đã bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, hiện H đang thi hành án tại Trại giam P.

Vật chứng thu giữ: - 01 (một) xe mô tô Honda Future biển số: 93T8-4702, số khung 35097Y619861, số máy JC35E-2051512;

- 01 (một) USB lưu trữ video trích xuất từ Camera do trạm thu phí B1 cung cấp;
- 01 (một) USB lưu trữ video trích xuất từ Camera do trạm thu phí BOT đường DT741 cung cấp;
- 01 (một) điện thoại di động TECNO SPARK, số IMEI 354984260208860 có gắn kèm theo sim số 0963642561 thu giữ của Lê Trường L;
- 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax màu trắng, số seri F2LDT7HY0D5K thu giữ của N1;
- 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 màu đen, số seri DNPZN6C1N741 thu giữ của N1.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSDN-P1 ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Lê Trường L về Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật hình sự và bị cáo Trần Doãn H về Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Vị đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Trường L, Trần Doãn H phạm Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Trường L** từ 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Trần Doãn H** từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tuyên trả lại cho bị cáo **L** 01 (một) điện thoại di động TECNO SPARK, số IMEI 354984260208860 có gắn kèm theo sim số 0963642561.

Trả lại cho **Tang J** 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax màu trắng, số seri F2LDT7HY0D5K và 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 màu đen, số seri DNPZN6C1N741.

Tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án: 01 (một) USB lưu trữ video trích xuất từ Camera do **trạm thu phí B1** cung cấp; 01 (một) USB lưu trữ video trích xuất từ Camera do **trạm thu phí B1** đường ĐT741 cung cấp.

Truy thu vào ngân sách Nhà nước số tiền 30 triệu đồng là số tiền phạm tội mà có của **Lê Trường L**.

Đối với 01 (một) xe mô tô xe mô tô Honda Future biển số: 93T8-4702, số khung 35097Y619861, số máy JC35E-2051512. Qua điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông **Lê Xuân K**. Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh Đ** đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông **K** là đúng nên không đề nghị xem xét lại.

- Các bị cáo tự bào chữa: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa đổi, làm công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở nghiên cứu đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa nên đủ cơ sở để kết luận: Vào tháng 10/2021, tại khu vực chợ B, huyện P, tỉnh Bình Phước (cũ) Lê Trường L cùng Trần Doãn H thực hiện hành vi việc tổ chức cho 03 người Việt Nam (chưa rõ nhân thân) xuất cảnh trái phép sang Campuchia để nhận số tiền 229 triệu đồng, L hưởng lợi 30 triệu đồng, H không hưởng lợi. Ngoài ra vào ngày 20/10/2021 tại khu vực chợ B, huyện P, tỉnh Bình Phước (cũ) L đã tổ chức cho T3 Jiang xuất cảnh trái phép sang Campuchia để nhận số tiền 35 triệu đồng thì bị cơ quan chức năng phát hiện, ngăn chặn xử lý (L chưa được hưởng lợi). Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 348 và điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo về hành vi theo tội danh nêu trên là đúng người đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Xét, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước, đồng thời gây mất trật tự an ninh khu vực biên giới. Các bị cáo là người đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép nhằm thu lợi bất chính bị pháp luật nghiêm cấm; mặt khác tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội đang bùng phát dịch bệnh, các bị cáo biết rõ Nhà nước khuyến cáo hạn chế đi lại để đảm bảo công tác phòng dịch nhưng vì mục đích vụ lợi các bị cáo cố ý thực hiện. Do đó hành vi trái pháp luật của các bị cáo cần xử lý nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra mới thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật.

Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc từ trước. Bị cáo Lê Trường L phạm tội với lỗi cố ý, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội: tiếp nhận nhu cầu vận chuyển và tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép để hưởng lợi. Bị cáo là người có thân thân xấu từng bị xử phạt hành chính vào năm 2017 nhưng đến nay vẫn chưa chấp hành; bị Tòa án xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng. Bị cáo đã chấp hành xong và đã được xoá án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để răn đe, cảnh tỉnh bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần xử phạt bị cáo L mức án thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Đối với **Trần Doãn H**: Trong vụ án này bị cáo **H** không nhận lợi ích vật chất nhưng bị cáo thừa nhận đối tượng **T2** là khách quen của spa do bị cáo làm chủ và bị cáo đã nhận tổ chức, hưởng lợi từ những lần đưa người khác xuất cảnh trái phép do **T2** yêu cầu nên khi **T2** giới thiệu 03 người phụ nữ này là em họ của **T2** và nhờ **H** tổ chức xuất cảnh trái phép, vì lợi ích phi vật chất nên bị cáo đã nhận lời, thuê xe ô tô, trực tiếp lái xe chở 03 người đi đến khu vực gần **huyện B** cũ giao lại cho bị cáo **L** đưa đi xuất cảnh trái phép qua Campuchia trót lọt và đứng ra làm trung gian nhận chuyển tiền giữa **T2** và **L**. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[5] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

[6] Về quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 (một) điện thoại di động TECNO SPARK, số IMEI 354984260208860 có gắn kèm theo sim số 0963642561: đây là tài sản hợp pháp của **L** không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho **L**.

Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax màu trắng, số seri F2LDT7HY0D5K và 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 màu đen, số seri DNPZN6C1N741 thu giữ của **N1**, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác định là tài sản hợp pháp của **Tang J** và đã xử phạt Tang Jian 4.000.000đ (bốn triệu đồng) về hành vi “qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 604/QĐ-XPHC ngày 09/11/2021. Nên, xét cần giao 02 điện thoại trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** xử lý theo qui định.

Đối với 01 (một) USB lưu trữ video trích xuất từ Camera do **trạm thu phí B1** cung cấp; 01 (một) USB lưu trữ video trích xuất từ Camera do trạm thu phí BOT đường ĐT741 cung cấp là tài liệu chứng cứ của vụ án cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 30 triệu đồng là số tiền phạm tội mà có của **Lê Trường L**.

Đối với 01 (một) xe mô tô xe mô tô Honda Future biển số: 93T8-4702, số khung 35097Y619861, số máy JC35E-2051512. Qua điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông **Lê Xuân K** nên Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh Đ** đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông **K** là đúng nên không xem xét lại.

[8] Đối với **Tăng Thị Trúc L2** có dấu hiệu của tội Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép Cơ quan ANĐT **Công an tỉnh B** (nay là tỉnh Đồng Nai) đã chuyển nguồn tin đến Cơ quan ANĐT **Công an tỉnh B** để xem xét xử lý theo thẩm quyền. Cơ

quan ANĐT Công an tỉnh B đã ra Quyết định không khởi tố đối với hành vi của Tăng Thị Trúc L2.

Đối với Nguyễn Văn T: T có hành vi chở Tang J từ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đến tỉnh Bình Phước nhưng không biết mục đích Tang J đến Bình Phước để tiếp tục được đưa đi xuất cảnh trái phép sang Campuchia nên không xem xét xử lý hình sự.

Đối với Tang J: Ngày 09/11/2021, Công an tỉnh B (nay là tỉnh Đồng Nai) đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 604/QĐ-XPHC, phạt N1 số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) về hành vi “qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định”, nên không xem xét lại.

Đối với người tên T1, T2 và L4 (là người đã thuê và được L thuê chở người đi xuất cảnh trái phép), các đối tượng đã tổ chức cho N1 nhập cảnh trái phép, 03 người Việt Nam được Trần Doãn H chở đến giao cho L do không có thông tin khác để xác minh nhân thân, lai lịch nên không đủ căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Trường L, Trần Doãn H phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Trường L 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2025.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 56, 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Doãn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 09 (chín) năm tù về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo bản án số 45/2023/HSST ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang cũ. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/3/2023.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho Lê Trường L: 01 (một) điện thoại di động TECNO SPARK, số IMEI 354984260208860 có gắn kèm theo sim số 0963642561.

- Truy thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đối với Lê Trường L.

- Giao 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax màu trắng, số seri F2LDT7HY0D5K và 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 màu đen, số seri DNPZN6C1N741 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ xử lý theo qui định.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Đ và Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Đồng Nai ngày 12/02/2026).

Tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án 01 (một) USB lưu trữ video trích xuất từ Camera do trạm thu phí B1 cung cấp; 01 (một) USB lưu trữ video trích xuất từ Camera do trạm thu phí B1 đường ĐT741 cung cấp.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Trường L, Trần Doãn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (01);
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND KV 11 – Đồng Nai (01);
- THADS tỉnh Đồng Nai (01);
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Thành Viên Hội Đồng Xét Xử

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Hanh Nguyễn Thị Phụng

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

